

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2023/DS-ST**

Ngày: 17-7-2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch

Bà Trần Thị Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 255/2022/TLST-DS ngày 12/10/2022, về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 368/2023/QĐST-DS ngày 26/6/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2)

Trụ sở tại: Tầng A và tầng B, Tòa nhà S - A A, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – GĐTTQLNNHBL (theo giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021 của TGD Ngân hàng TMCP H2).

Người nhận ủy quyền lại: Ông Lê Thọ Đ, ông Trần Hùng T, ông Bùi Đăng D; Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng F, tòa nhà P, B U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (theo Giấy ủy quyền ngày 06/6/2022)

- Bị đơn: 1/ Bà Trần Thị Ánh N, sinh năm 1990

2/ Ông Bùi Mạnh H1, sinh năm 1988

Trú tại: Ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Đ có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày:**

Ngày 08/01/2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trần Thị Ánh N, ông Bùi Mạnh H1 ký hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 42588.20. Theo đó, Ngân hàng cho bà N, ông H1 vay số tiền 750.000.000đ, thỏa thuận thời hạn vay là 96 tháng. Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách của V1 từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,7%/năm (lãi suất ưu đãi) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên, kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ cộng biên độ 3,9%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Mục đích vay là để thanh toán mua 01 xe ô tô, hiệu Honda Accord El – V, biển số 60A-747.07. Hình thức trả nợ: trả gốc và lãi vào ngày 09 hàng tháng. Ngoài ra, ngày 07/01/2020, bà Trần Thị Ánh N ký đơn Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản để vay số tiền 125.000.000đ.

Để đảm bảo cho khoản vay, hai bên đã ký hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9205419.20 ngày 08/01/2020 và phụ lục 1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N và ông H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 306.338.403đ (trong đó: số tiền gốc là 172.931.619đ, số tiền lãi 133.406.784đ) trong thời gian từ ngày 09/01/2020 đến ngày 11/12/2021. Từ ngày 12/12/2021 cho đến nay, bà N và ông H1 không thanh toán khoản tiền nào cho Ngân hàng. Ngày 28/9/2022, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Ánh N, ông Bùi Mạnh H1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền 760.116.814đ, trong đó: nợ gốc còn lại là 577.068.381đ; nợ lãi trong hạn là 71.309.813đ; nợ lãi quá hạn là 111.738.620đ; Số tiền dư nợ thẻ tín dụng là 219.043.399đ, trong đó: số tiền nợ gốc là 119.308.755đ; số tiền nợ lãi là 46.790.645đ, số tiền nợ phí là 52.943.999đ (tạm tính đến ngày 17/7/2023). Và tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký, kể từ ngày 18/7/2023 đến ngày thanh toán xong. Ngân hàng không yêu cầu xử lý về tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô, hiệu Honda Accord El – V, biển số 60A-747.07, số máy L15BG2100666, số khung là MRHCV1650KP080247 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

*** Bị đơn – bà Trần Thị Ánh N và ông Bùi Mạnh H1 trình bày:** Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày và không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đúng quy định pháp luật và được đảm bảo.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo kết quả xác minh tại Công an xã A thì bà N và ông H1 có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương không trình báo từ giữa năm 2022 đến nay. Nên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi bà N ông H1 đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng bà N ông H1 đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã Trung cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của bà Trần Thị Ánh N và ông Bùi Mạnh H1 trong các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ do nguyên đơn giao nộp. Theo Bản kết luận giám định số 3319/KL-KTHS ngày 05/6/2023 của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ C kết luận: chữ ký, chữ viết họ tên Trần Thị Ánh N và Bùi Mạnh H1 trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký chữ viết họ tên Trần Thị Ánh N và Bùi Mạnh H1 trên các tài liệu mẫu so sánh đều do cùng một người ký, viết ra. Như vậy chứng tỏ việc vay mượn tiền giữa Ngân hàng với bà N ông H1 là tự nguyện và có thật. Ông H1, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Buộc bà N, ông H1 trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 577.068.381 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 71.309.813 đồng; số tiền nợ lãi quá hạn là 111.738.620 đồng (tính đến ngày 17/7/2023).

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà N, ông H1 trả số tiền 219.043.399 đồng dư nợ thẻ tín dụng. Do Ngân hàng không cung cấp được bản gốc hoặc bản sao Giấy Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/01/2021 của bà N cũng như chứng cứ thể hiện việc giải ngân số tiền 125.000.000 đồng theo đơn của bà N. Do vậy không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Tại tiểu mục 4.1 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng, thể hiện: Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trần Thị Ánh N, ông Bùi Mạnh H1 có thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam. Ngân hàng lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom có thẩm quyền giải quyết vụ án do là nơi bị đơn cư trú (ấp D, xã A, huyện T) là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ (niêm yết công khai) lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do chính đáng, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp toàn bộ hồ sơ vay vốn, gồm: Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 42588.20 ngày 08/01/2020, điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/01/2020 và CMND (Nguyệt), sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn, hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9205419.20 ngày 08/01/2020 và phụ lục 1. Ngày 12/12/2021, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã nộp đơn khởi kiện ngày 28/9/2022 là đảm bảo về quyền khởi kiện theo quy định khoản 2 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Trần Thị Ánh N, ông Bùi Mạnh H1 đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án. Nên Hội đồng xét xử, căn cứ và các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp và Toà án thu thập để giải quyết theo quy định pháp luật.

[2.2] Xét hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 42588.20 ngày 08/01/2020 được giao kết giữa Ngân hàng và bà N, ông H1 tuy không được công chứng, chứng thực nhưng Toà án đã thực hiện việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà N và ông H1 trên hợp đồng tín dụng với chữ ký, chữ viết của bà N và ông H1 trên các mẫu tài liệu so sánh đã thu thập. Theo kết luận giám định số 3319/KL-KTHS ngày 05/6/2023 thể hiện: Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Thị Ánh N và Bùi Mạnh H1 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Thị Ánh N và Bùi Mạnh H1 trên các mẫu tài liệu so sánh là do cùng một người viết ra (BL 160). Điều này chứng tỏ, giữa Ngân hàng và bà N, ông H1 đã có giao kết hợp đồng tín dụng ngày 08/01/2020 để vay số tiền 750.000.000đ và thực tế bà N, ông H1 đã nhận đủ số tiền này theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/01/2020. Vì vậy, đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó: bà N và ông H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 760.116.814đ, trong đó: nợ gốc còn lại là 577.068.381đ; nợ lãi trong hạn là 71.309.813đ; nợ lãi quá hạn là 111.738.620đ; (tạm tính đến ngày 17/7/2023). Theo yêu cầu của Ngân hàng, căn cứ các hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 18/7/2023 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng thì bà N, ông H1 còn phải trả các khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tương ứng với số tiền và thời gian chưa thanh toán là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

[2.3] Để bảo đảm cho khoản vay, bị đơn đã thế chấp 01 xe ô tô, hiệu Honda Accord El – V, biển số 60A-747.07, số máy L15BG2100666, số khung là MRHCV1650KP080247 được thể hiện tại hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9205419.20 ngày 08/01/2020 và phụ lục 1. Tuy nhiên, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết về tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Đối với yêu cầu thanh toán dư nợ thẻ tín dụng số tiền 219.043.399đ (trong đó: số tiền nợ gốc là 119.308.755đ, số tiền nợ lãi là 46.790.645đ, số tiền

nợ phí là 52.943.999đ). Do Ngân hàng không cung cấp được bản chính hoặc bản sao theo đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/01/2020 mà chỉ cung cấp bản phô tô nên không được coi là chứng cứ theo Điều 94, Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về án phí và lệ phí tố tụng:*

[3.1] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thanh toán số tiền 760.116.814đ và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu thanh toán số tiền 219.043.399đ. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 760.116.814đ có nghĩa vụ thanh toán.

[3.2] Về lệ phí: Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã nộp lệ phí số tiền là 11.500.000đ (đăng thông báo trên B chi phí hết 10.500.000đ và đăng thông tin trên Đài phát thanh chi phí là 1.000.000đ) để thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn nên người yêu cầu là Ngân hàng chịu lệ phí nêu trên theo Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự và đã nộp đủ lệ phí.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về tố tụng, về việc giải quyết vụ án và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; Điều 35, Điều 39; Điều 68; Điều 94; Điều 95; Điều 180; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) đối với bà Trần Thị Ánh N và ông Bùi Mạnh H1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) đối với bà Trần Thị Ánh N và ông Bùi Mạnh H1 theo hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 42588.20 ngày 08/01/2020.

- Buộc bà Trần Thị Ánh N, ông Bùi Mạnh H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) số tiền **760.116.814đ** (bảy trăm sáu mươi triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm mười bốn đồng) (tính đến ngày 17/7/2023), trong đó:

+ Số tiền nợ gốc là 577.068.381đ (năm trăm bảy mươi bảy triệu không trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm tám mươi một đồng);

+ Số tiền nợ lãi trong hạn là 71.309.813đ (bảy mươi một triệu ba trăm lẻ chín nghìn tám trăm mười ba đồng);

+ Số tiền nợ lãi quá hạn là 111.738.620đ (một trăm mười một triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi đồng);

Kể từ ngày 18/7/2023, bà Trần Thị Ánh N và ông Bùi Mạnh H1 chậm thanh toán số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 42588.20 ngày 08/01/2020 cho đến khi thanh toán xong.

* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) đối với bà Trần Thị Ánh N và ông Bùi Mạnh H1 theo đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/01/2020.

2. Về án phí:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) phải chịu số tiền 10.952.000đ (mười triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền thanh toán theo đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/01/2020 không được chấp nhận. Được trừ vào số tiền 17.803.000đ (mười bảy triệu tám trăm lẻ ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0001689 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) số tiền 6.851.000đ (sáu triệu tám trăm năm mươi một nghìn đồng).

- Bà Trần Thị Ánh N và ông Bùi Mạnh H1 phải chịu số tiền 34.405.000đ (ba mươi bốn triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền thanh toán theo hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 42588.20 ngày 08/01/2020.

3. Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thùy Dung